

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST  
Ngày: 23/02/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Đô.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Thanh Trí.

2. Bà Trần Thị Kim Thắm.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Huỳnh Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Văn Vũ Trường X; tên gọi khác: Không; sinh năm 1989 tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T, sinh năm 1969 và bà Lương Thị Hồng T, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, cụ thể tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2015/HS-ST ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đã xử phạt 09 tháng tù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 13/02/2016. Bị cáo chưa thực hiện đóng án phí hình sự sơ thẩm đối với Bản án số 28/2015/HS-ST ngày 28/5/2015; tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 09/12/2016, Trần Văn Vũ Trường X bị Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xử phạt 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản (Thể hiện tại Bản án số 72/2016/HSST ngày 19/12/2016). bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Hồ Thanh L, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Trương Thị H, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Lương Thị Hồng T, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

2. Ông Huỳnh Trung T, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực 2, phường L, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ,

3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Người làm chứng: Ông Trương Văn L, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 25/7/2021, bị cáo Trần Văn Vũ Trường X điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 69U1-7860 đi ngang nhà ông Hồ Thanh L (sinh năm 1977 tại Ấp A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang) thì phát hiện phía trước nhà ông L có 02 cuộn lưới B40 tổng trọng lượng 26kg để trong sân nhà nên nảy sinh ý định lấy trộm 02 cuộn lưới nói trên. Bị cáo quan sát thấy không có ai trông coi nên lấy 02 cuộn lưới để lên phía sau yên xe mô tô và chạy đi tìm chỗ tiêu thụ. Bị cáo đem 02 cuộn lưới đến Khu vực 2, phường L, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ bán cho ông Huỳnh Trung T (sinh năm 1975, đăng ký thường trú tại ấp T, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang) làm nghề mua bán ve chai được 214.000 đồng. Được tiền bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 10 giờ ngày 29/7/2021, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 63F6-0001 đi ngang nhà bà Trần Thị H (sinh năm 1959, tại Ấp M, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang) phát hiện 01 con gà mái nặng 1,3 kg đang nhốt trong bệ phía sau nhà, bị cáo quan sát thấy không có ai nên đi xuống bắt con gà bỏ vào trong áo. Khi bị cáo vừa bắt gà xong thì bị bà H phát hiện truy hô bắt quả tang giao cho Công an xã T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-ĐGTS ngày 26/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành A đã định giá và kết luận:

01 con gà mái, trọng lượng 1,3 kg có giá trị là 156.000 đồng;

02 cuộn lưới B40, trọng lượng 26 kg có giá trị là 156.000 đồng.

Vật chứng đã tạm giữ gồm:

01 con gà mái nặng 1,3 kg; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Intel; 01 xe mô tô biển số kiểm soát 63F6-0001; 01 xe mô tô biển số kiểm soát 69U1-7860; 01 áo thun tay ngắn, màu xám, viền cổ màu cam đã qua sử dụng; 02 cuộn lưới B40, tổng trọng lượng 26kg.

Đối với xe mô tô biển số kiểm soát 69U1-7860 là của ông Trần Văn T (cha bị cáo) mua của chị Lê Hồng N (sinh năm 1984, đăng ký thường trú ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang) để dùng trong sinh hoạt gia đình. Việc bị cáo dùng xe mô tô đi trộm cắp tài sản ông T không biết.

Đối với xe mô tô biển số kiểm soát 63F6-0001 là của bà Lương Thị Hồng T (mẹ bị cáo) quản lý sử dụng. Việc bị cáo dùng xe mô tô đi trộm cắp tài sản bà T không biết.

Điện thoại di động nhãn hiệu Intel là của bà Lương Thị Hồng T, bị cáo mượn sử dụng.

Ngày 09/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành A đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Lương Thị Hồng T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Intel; Trả lại 02 cuộn lưới B40 cho ông Hồ Thanh L; Trả lại 01 con gà mái, nặng 1,3 kg cho bà Trương Thị H.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-HCTA ngày 13/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A truy tố bị cáo Trần Văn Vũ Trường X về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Văn T yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số kiểm soát 69U1-7860. Bà Lương Thị Hồng T yêu cầu nhận lại xe mô tô biển số kiểm soát 63F6-0001.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn Vũ Trường X phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 46 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Vũ Trường X từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử:

Trả lại cho ông Trần Văn T xe mô tô biển số kiểm soát 69U1-7860 và bà Lương Thị Hồng T xe mô tô biển số kiểm soát 63F6-0001.

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun tay ngắn, màu xám, viền cổ màu cam đã qua sử dụng.

Buộc bị cáo nộp ngân sách nhà nước số tiền 214.000 đồng mà bị cáo đã bán tài sản phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Không có.

Án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu theo quy định.

Bị cáo Trần Văn Vũ Trường X nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối hận nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại ông Hồ Thanh L, bà Trương Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Huỳnh Trung T và người làm chứng ông Trương Văn L vắng mặt không có lý do. Sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt đối với những người này.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn Vũ Trường X đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản hỏi cung bị can, kết luận định giá cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận như sau:

Xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào ngày 25/7/2021 và ngày 29/7/2021, tại xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 cuộn lưới B40 của ông Hồ Thanh L có giá trị là 156.000 đồng và 01 con gà mái nặng 1,3 kg của bà Trương Thị H có giá trị là 156.000 đồng. Bị cáo đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 25/7/2021 và ngày

29/7/2021 có giá trị dưới 2.000.000 đồng, nhưng bị cáo có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng số 05/CT-VKS-HCTA ngày 13/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đề nghị truy tố bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

#### [2.2] Quyết định hình phạt:

Về tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay. Bị cáo đã có 01 tiền án về hành vi Trộm cắp tài sản và nhân thân xấu nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa đổi bản thân mà lại liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, điều đó cho thấy rằng bị cáo coi thường pháp luật nên cần có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xử phạt 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản thể hiện tại Bản án số 72/2016/HSST ngày 19/12/2016, ngày 15/8/2017 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích nên bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản vào các ngày 25/7/2021 và 29/7/2021 nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bác ruột là liệt sĩ là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2.3] Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của ông Huỳnh Trung T. Tuy nhiên khi mua ông Tín không biết tài sản đã mua là do trộm cắp hay vi phạm pháp luật mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Tín là có căn cứ.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự, Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị hại ông Hồ Thanh L, bà Trường Thị Hiền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Huỳnh Trung T, ông Trần Văn T, bà Lương Thị Hồng T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đôi xe mô tô biển số kiểm soát 69U1-7860 là của ông Trần Văn T mua của chị Lê Hồng N để dùng trong sinh hoạt gia đình. Việc bị cáo dùng xe mô tô đi trộm cắp tài sản ông T không biết, tại phiên tòa ông T yêu cầu được nhận lại nên Hội đồng xét xử trả lại cho ông T;

Đôi xe mô tô biển số kiểm soát 63F6-0001 là của bà Lương Thị Hồng T quản lý sử dụng. Việc bị cáo dùng xe mô tô đi trộm cắp tài sản bà T không biết, tại phiên tòa bà T yêu cầu được nhận lại nên Hội đồng xét xử trả lại cho bà T;

Đôi với 01 áo thun tay ngắn, màu xám, viền cổ màu cam đã qua sử dụng là của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại, do tài sản trên không có giá trị hoặc không sử dụng được nên tịch thu tiêu hủy;

Buộc bị cáo nộp ngân sách nhà nước số tiền 214.000 đồng mà bị cáo đã bán tài sản phạm tội mà có.

[2.6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

[2.7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo: Xét bị cáo có nhân thân xấu và phạm tội nhiều lần nên căn cứ theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xét thấy yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Vũ Trường X phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi,

bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn Vũ Trường X 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần Văn Vũ Trường X.

## 2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho ông Trần Văn T xe mô tô biển số kiểm soát 69U1-7860 và bà Lương Thị Hồng T xe mô tô biển số kiểm soát 63F6-0001.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun tay ngắn, màu xám, viền cổ màu cam đã qua sử dụng;

“Tình trạng vật chứng như trong Quyết định chuyển vật chứng số 02/QĐ-VKS-HCTA ngày 17/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang”.

Buộc bị cáo Trần Văn Vũ Trường X nộp ngân sách nhà nước số tiền 214.000 đồng (hai trăm mười bốn nghìn đồng).

## 3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn Vũ Trường X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Hồ Thanh L, bà Trường Thị Hiền có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn T, bà Lương Thị Hồng T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Huỳnh Trung T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Đội CSTHHS và HTTP Công an huyện Châu Thành A;
- Đội CSĐTTP về TTXH Công an huyện Châu Thành A;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Đô**